

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 04-5-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước.

Ông Phạm Hữu Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên – Kiểm Sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T; sinh năm: 1993; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: đường L, khóm B, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Đinh Thanh P; sinh năm: 1978; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã G, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Tạm trú: đường N, khóm B, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Kim P1; (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, khóm B, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Trần Quốc V; (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, khóm B, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông Đinh Văn A; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

4. Chị Ngô Tuyết A1; (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường AB, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

5. Anh Hà Văn T; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã G, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

6. Chị Nguyễn Kim N; (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 16 tháng 12 năm 2021, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P có qua lại quá giới hạn với người phụ nữ khác nhiều lần nên vợ chồng xảy ra cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống gặp thêm khó khăn, nợ nần. Mặc dù anh chị nhiều lần trao đổi với nhau để tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, anh chị chưa gửi đơn yêu cầu địa phương hòa giải. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa.

Nay chị Nguyễn Thị Kim T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Thanh P.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày, chị và anh Đinh Thanh P có 01 người con chung tên Đinh Mỹ T1 (nữ), sinh ngày: 05/9/2015. Hiện cháu Đinh Mỹ T1 do chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng tại đường L, khóm B, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiên cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu anh Đinh Thanh P cấp dưỡng nuôi cháu Tiên mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày, anh chị không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T trình bày trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có nợ của chị Nguyễn Thị Kim P1 số tiền 60.000.000 đồng; nợ ông Trần Quốc V số tiền 20.000.000 đồng; nợ ông Đinh Văn A số tiền 30.000.000 đồng; nợ chị Ngô Tuyết A1 số tiền 10.000.000 đồng; nợ anh Hà Văn T số tiền 30.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Kim N số tiền 20.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền chỉ nói miệng chứ không có làm biên nhận. Chị T đồng ý tất cả các khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng anh chị, tuy nhiên chị T và anh P thống nhất anh P sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Thanh P thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do anh có qua lại quá giới hạn với người phụ nữ khác nhưng hiện anh đã sửa đổi. Ngoài ra, do áp lực về kinh tế gia đình, việc làm ăn khó khăn, nợ nần nên anh chị thường xuyên cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù anh chị nhiều lần trao đổi với nhau để tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, anh chị chưa có gửi đơn yêu cầu địa phương hòa giải. Anh Đinh Thanh P nhận thấy anh còn thương vợ, con nên xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Anh Đinh Thanh P trình bày, anh chị có 01 người con chung tên Đinh Mỹ T1 (nữ), sinh ngày: 05/9/2015. Hiện cháu Đinh Mỹ T1 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng tại đường L, khóm B, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Đinh Thanh P đồng ý giao cháu Tiên cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Đinh Thanh P đồng ý, hàng tháng đóng góp cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền 3.000.000 đồng để cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Mỹ T1 cho đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: anh Đinh Thanh P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: anh Đinh Thanh P thống nhất với trình bày của chị T là vợ chồng anh chị có nợ của chị Nguyễn Thị Kim P1 số tiền 60.000.000 đồng; nợ ông Trần Quốc V số tiền 20.000.000 đồng; nợ ông Đinh Văn A số tiền 30.000.000 đồng; nợ chị Ngô Tuyết A1 số tiền 10.000.000 đồng; nợ anh Hà Văn T số tiền 30.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Kim N số tiền 20.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền chỉ nói miệng chứ không có làm biên nhận. Theo anh P tất cả các khoản nợ trên là nợ chung của vợ chung anh chị, tuy nhiên anh P đồng ý sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên, không yêu cầu chị T có trách nhiệm trả với anh.

Tại bản tự khai ngày 25/02/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim N trình bày:

Chị Nguyễn Kim N với chị Nguyễn Thị Kim T là bạn bè, nên trong năm 2021, chị Ngân có cho chị T mượn số tiền 20.000.000 đồng, để giúp cho chồng là anh Đinh Thanh P xoay sở việc làm ăn. Việc vay mượn tiền chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không lập thành văn bản. Nay chị T xin ly hôn với anh Đinh Thanh P thì đối với khoản nợ này chị Ngân với vợ chồng chị T và anh P sẽ tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Nếu sau này xảy ra tranh chấp, chị Ngân sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Tuyết A1 trình bày:

Chị Ngô Tuyết A1 với chị Nguyễn Thị Kim T là bạn bè, nên trong năm 2021, chị Tuyết A1 có cho chị T mượn số tiền 10.000.000 đồng, để giúp cho chồng là anh Đinh Thanh P xoay sở việc làm ăn. Việc vay mượn tiền chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không lập thành văn bản. Nay chị T xin ly hôn với anh Đinh Thanh P thì đối với

khoản nợ này chị Tuyết A1 với vợ chồng chị T và anh P sẽ tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Nếu sau này xảy ra tranh chấp, chị Tuyết A1 sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim P1; ông Trần Quốc V; Anh Hà Văn T; ông Đinh Văn A, sau khi thụ lý vụ án bổ sung Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chị Nguyễn Thị Kim P1; ông Trần Quốc V; Anh Hà Văn T; ông Đinh Văn A không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Đinh Thanh P đồng ý ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung anh P vẫn giữ nguyên như lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P; Về con chung, công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh P giao cháu Đinh Mỹ T1 (nữ), sinh ngày: 05/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con, công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh P, hàng tháng anh P cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Mỹ T1 số tiền là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi. Về tài sản chung chị Nguyễn Thị Kim T trình bày không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung do chị Nguyễn Thị Kim P1; ông Trần Quốc V; ông Đinh Văn A; anh Hà Văn T, chị Nguyễn Kim N, chị Ngô Tuyết A1 không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án này do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Đinh Thanh P; địa chỉ đường N, khóm B, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. **Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là** chị Nguyễn Thị Kim P1; ông Trần Quốc V; ông Đinh Văn A; anh Hà Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Kim N, chị Ngô Tuyết A1 vắng mặt có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 11 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, do Ủy ban nhân dân Phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp. Tại thời điểm kết hôn chị T và anh P đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, chị T và anh P có thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, anh P không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh P cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do anh có qua lại quá giới hạn với người phụ nữ khác nhưng hiện anh đã sửa đổi. Ngoài ra, do áp lực về kinh tế gia đình, việc làm ăn khó khăn, nợ nần nên anh chị thường xuyên cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, chị T và anh P thống nhất thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P.

[4]. Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim T trình bày, anh chị có 01 người con chung tên Đinh Mỹ T1 (nữ), sinh ngày: 05/9/2015. Hiện cháu Tiên do chị T trực tiếp nuôi dưỡng tại đường L, khóm B, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiên cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Đinh Thanh P thống nhất với lời trình bày của chị T và đồng ý giao con chung tên Đinh Mỹ T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con;*”. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của anh chị, giao con chung tên

Đinh Mỹ T1 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu anh Đinh Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi. Anh Đinh Thanh P cũng đồng ý hàng tháng đóng góp cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền 3.000.000 đồng để cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Mỹ T1 cho đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” và Khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Xét thấy, việc thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con và phương thức cấp dưỡng của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của anh chị, hàng tháng anh Đinh Thanh P đóng góp cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền 3.000.000 đồng để cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Mỹ T1 cho đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi*” và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*”. Do đó, anh Đinh Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P tự khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P tự khai trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có nợ của chị Nguyễn Thị Kim P1 số tiền 60.000.000 đồng; nợ ông Trần Quốc V số tiền 20.000.000 đồng; nợ ông Đinh Văn A số tiền 30.000.000 đồng; nợ chị Ngô Tuyết A1 số tiền 10.000.000 đồng; nợ anh Hà Văn T số tiền 30.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Kim N số tiền 20.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị T và anh P thống nhất thỏa thuận anh Đinh Thanh P sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay này cho chị Nguyễn Thị Kim P1, ông Trần Quốc V, ông Đinh Văn A, chị Ngô Tuyết A1, anh Hà Văn T và chị Nguyễn Kim N nhưng do chị Nguyễn Thị Kim P1, ông Trần Quốc V, ông Đinh Văn A, chị Ngô Tuyết A1, anh Hà Văn T và chị Nguyễn Kim N không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án này do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và anh Đinh Thanh P phải chịu

300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5, Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P.

- Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P, giao con chung tên Đinh Mỹ T1 (nữ), sinh ngày: 05/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P, hàng tháng anh Đinh Thanh P đóng góp nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Kim T số tiền là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 04/5/2022.

Anh Đinh Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Thanh P tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Đối với khoản nợ vay của chị Nguyễn Thị Kim P1 số tiền 60.000.000 đồng; nợ vay của ông Trần Quốc V số tiền 20.000.000 đồng; nợ vay của ông Đinh Văn A số tiền 30.000.000 đồng; nợ vay của chị Ngô Tuyết A1 số tiền 10.000.000 đồng; nợ vay của anh Hà Văn T số tiền 30.000.000 đồng; nợ vay của chị Nguyễn Kim N số tiền 20.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Kim P1, ông Trần Quốc V, ông Đinh Văn A, chị Ngô Tuyết A1, anh Hà Văn T và chị Nguyễn Kim N không

có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong cùng vụ án này do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000168, ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Chị Nguyễn Thị Kim T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng anh Đinh Thanh P phải chịu.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP ST;
- UBND Phường L, TPST;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Kim Hằng